

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ H  
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 146/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 06/9/2024  
(V/v Tranh chấp ly hôn)

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ H - TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Thạch Thị Ngọc Bích

**Các hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Tịnh và ông Nguyễn Ngọc Anh  
Hào

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh  
Bạc Liêu.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa:** Ông Lê  
Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ H xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 253/2024/TLST-HNGĐ ngày  
03 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét  
xử số: 138/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1/. **Nguyên đơn:** Bà Từ Thị G, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp Cái C, xã Long Điền Đ, huyện Đông Hai, Bạc Liêu

2/. **Bị đơn:** Ông Ngô Văn H, sinh năm 1951

Địa chỉ: ấp Cái C, xã Long Điền Đ, huyện Đ H, Bạc Liêu.

(Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên  
đơn bà Từ Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn H chung sống với nhau vào năm 1969, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Nguyên nhân ly hôn: Trong thời gian chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Trước đây ông H bệnh bà một lòng chăm sóc tận tình, nhưng đến khi bà bệnh thì ông H không quan tâm, không cho tiền trị bệnh. Khi bà điều trị bệnh về ông H thường xuyên kiểm chuyện với bà và đuổi bà ra khỏi nhà, từ đó cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng không còn hạnh phúc. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông H nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà G xác định ông bà có 06 người con chung tên Ngô Văn Ng, sinh năm 1971, Ngô Mộng T, sinh năm 1974, Ngô Văn K, sinh năm 1977, Ngô Bảo Ng, sinh năm 1979, Ngô Bảo X, sinh năm 1981, Ngô Bảo Y, sinh năm 1983. Hiện nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà G xác định ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét.

Về nợ chung: Bà G xác định ông bà không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với ông Ngô Văn H: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông H theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án

Về nội dung vụ án: Bà G và ông H chung sống với nhau vào năm 1969, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế. Bà G và ông H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1969 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân thực tế. Hiện nay ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà G yêu cầu ly hôn với ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà G được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà G xác định ông bà có 06 người con chung tên Ngô Văn Ng, sinh năm 1971, Ngô Mộng T, sinh năm 1974, Ngô Văn K, sinh năm 1977, Ngô Bảo Ng, sinh năm 1979, Ngô Bảo X, sinh năm 1981, Ngô Bảo Y, sinh năm 1983. Hiện nay các con đã có trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà G xác định ông bà tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định ông bà không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí hôn nhân gia đình bà G trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Từ Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với ông Ngô Văn H. Ông H có địa chỉ cư trú tại huyện Đ H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Bà G có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Giữa bà G và ông H chung sống với nhau vào năm 1969, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế. Bà G và ông H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1969 nên hôn nhân giữa bà G và ông H là hôn nhân thực tế. Trong quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông H đuổi bà ra khỏi nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tòa án có triệu tập ông H đến hòa giải nhưng ông H không đến chứng tỏ không muốn hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay bà G cương quyết yêu cầu ly hôn với ông H. Điều đó cho thấy cuộc sống gia đình giữa bà G và ông H không hạnh phúc, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G đối với ông H là hoàn toàn phù hợp.

Về con chung: Bà G xác định ông bà có 06 người con chung tên Ngô Văn Ng, sinh năm 1971, Ngô Mộng T, sinh năm 1974, Ngô Văn K, sinh năm 1977, Ngô Bảo Ng, sinh năm 1979, Ngô Bảo X, sinh năm 1981, Ngô Bảo Y, sinh năm 1983. Hiện nay các con đã có trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết. Hiện nay các con đã trưởng thành tự lo cho bản thân nên khi ly hôn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà G xác định ông bà tự thỏa thuận với nhau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định ông bà không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do bà G trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Từ Thị G ;  
Xử cho bà Từ Thị G được ly hôn với ông Ngô Văn H.

2/. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

4/. Về nợ chung: Không có

5/. Về án phí: Bà Từ Thị G được miễn toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu ;
- VKSND huyện Đ H;
- Chi cục THADS Huyện Đ H;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Thạch Thị Ngọc Bích**